TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ – ST
Ngày 06 - 9 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Ông Nguyễn Nghĩa Quy.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Mạnh– Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 4 năm 2019 và những lời khai tiếp theo trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh Q kết hôn ngày 07 tháng 5 năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự nguyện. Sau đó, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh Q ở thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng anh chị

sống hòa thuận. Đến năm 2015 anh, chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Nguyên nhân là do, anh Q không chỉn chu làm ăn, chơi bời, không quan tâm, chăm sóc gia đình, chị đã hai lần làm đơn ra Tòa yêu cầu xin được ly hôn anh Q và đã được Tòa án giải quyết hòa giải chị đã chủ động rút đơn khởi kiện cho anh Q cơ hội nhưng anh Q vẫn không thay đổi mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm với anh Q không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chị tha thiết xin được ly hôn anh Q.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2009 và Nguyễn Băng N, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2012. Hiện nay, hai cháu đang sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu; chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Mạnh Q: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu giấy tờ kèm theo đồng thời triệu tập anh Q rất nhiều lần; thậm chí để vụ án được giải quyết một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án đã gửi công văn nêu rõ nội dung vụ án để anh Q đến Tòa trực tiếp trình bày ý kiến của mình về từng vấn đề, nội dung cụ thể theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị L. Anh Q đã được biết về việc chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết con chung là cháu Nguyễn Minh C và Nguyễn Băng N nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đến Tòa án.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân xã H, cho biết: Chị Đỗ Thị L và anh Nguyễn Mạnh Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 11 tháng 3 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Q và chị L chung sống cùng nhà anh Q ở thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, địa phương thấy vợ chồng anh chị sống hòa thuận, khoảng năm 2015 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau; chị L đã một, hai lần làm thủ tục xin ly hôn anh Q. Còn nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do đâu thì địa phương cũng không nắm rõ được.

Qua việc giao, tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Q được biết hàng ngày anh Q đi làm nên anh Q không trực tiếp nhận văn bản mà người nhà anh Q là bà Tạ Thị D là mẹ đẻ anh Q nhận thay. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà

D, bà D khẳng định sau khi gia đình bà nhận giấy của Tòa án gửi cho anh Q, đều đã giao lại và thông báo cho anh Q và anh Q đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của chị L.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị L đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh Q được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh Q; giao con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2009 và Nguyễn Băng N, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2012 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L vì chị L không yêu cầu; về chia tài sản các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Mạnh Q và đề nghị được nuôi dưỡng con chung, do đó đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn anh Q hiện đang cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Nguyễn Mạnh Q đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình do nguyên đơn là chị Đỗ Thị L khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn cũng như tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Việc anh Q cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện anh Nguyễn Mạnh Q và

chị Đỗ Thị L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 11 tháng 3 năm 2006, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, anh Q không tu chí làm ăn nên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015. Trong những lần làm việc tại Toà án và tại phiên toà chị L đều khẳng định tình cảm vợ chồng với anh Q không còn, việc đoàn tụ là không thể, chị vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q, nếu Toà án không cho chị ly hôn với anh Q chị cũng không thể về đoàn tụ với anh Q được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q đã nhiều lần nhận được giấy triệu tập, công văn của Tòa án, nội dung Công văn nêu rõ "Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, nếu anh Q không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì thì coi như anh đã đồng ý toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện và Tòa án sẽ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn" nhưng anh Q vẫn không đến Tòa án làm việc hay gửi văn bản nêu rõ ý kiến, quan điểm của mình, như vậy có thể hiểu rằng anh Q đã đồng ý với toàn bộ nội dung mà nguyên đơn khởi kiện. Xét, cuộc sống chung giữa chị L và anh Q không thể tiếp tục vì anh, chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình theo qui định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về nuôi con chung: Chị L và anh Q có hai con chung là cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2009 và Nguyễn Băng N, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2012. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, hai cháu vẫn sống cùng chị L. Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa chị L tha thiết xin được nuôi con và chứng minh nuôi con tốt về mọi mặt, do vậy cần giao cháu C và cháu N cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L vì chị L không yêu cầu nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong thời gian chị L chăm sóc nuôi dưỡng cháu C và cháu N mà không đảm bảo được cuộc sống cho cháu thì anh Q có quyền làm đơn đề nghị thay đổi về người trực tiếp nuôi con.

[3]Về tài sản: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết, anh Q vắng mặt và cũng không đề nghị do đó Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có đề nghị về tài sản thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[4]Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh Q.

Về nuôi con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Minh C, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2009 và Nguyễn Băng N, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2012 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, gây khó khăn.

Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003379 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện B;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Lan